

An Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Số: 1649/BVAG-VTTBYT

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Mua sắm Hoá chất xét nghiệm lần 1 năm 2025** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

| STT | Họ và tên | Chức Vụ | Số Điện Thoại | Địa chỉ email gửi báo giá |
|-----|--------------------|------------------------|---------------|------------------------------|
| 1 | Nguyễn Quang Trình | Trưởng Phòng VTTBYT | 0918.665.503 | phongvttbyt.bvdkag@gmail.com |
| 2 | Ngô Thị Kiều Dung | Phó Phòng VTTBYT | 0984.333.140 | |
| 3 | Nguyễn Hữu Lộc | | 0916.379.911 | |

- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận đồng thời qua 2 hình thức sau:

- **Nhận trực tiếp:** DS. Châu, SĐT: 033.381.3188, Phòng VTTBYT - Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, số 60 đường Ung văn Khiêm, Phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang. Hồ sơ bao gồm:

- ✓ 01 bản báo giá chính, 02 bản sao y công ty.
- ✓ Catalog và các tài liệu liên quan thể hiện thông số kỹ thuật của hàng hoá (tiếng Việt).

- **Nhận qua email:** phongvttbyt.bvdkag@gmail.com. Hồ sơ bao gồm:

- ✓ Báo giá bản scan.
- ✓ File excel báo giá.
- ✓ Catalog và các tài liệu liên quan thể hiện thông số kỹ thuật của hàng hoá (tiếng Việt).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 ngày 24 tháng 12 năm 2024 đến trước 15h00 ngày 03 tháng 01 năm 2025

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá (phụ lục đính kèm)

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng

3. Báo giá hợp lệ:

- Báo giá được nhận trực tiếp hoặc nhận qua mail trong thời gian quy định của Yêu cầu báo giá.

- Báo giá phải có người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

4. Địa điểm giao, nhận hàng hoá : Lầu 1, Phòng vật tư thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, số 60 Ung văn Khiêm, Phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 72 giờ kể từ lúc nhận được đơn dự trù của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang.

6. Các thông tin khác: Báo giá theo mẫu của Bệnh viện (Theo mẫu báo giá đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VTTBYT, VT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Tân



CÔNG TY.....
 Địa chỉ:.....
 Điện thoại:.....

BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Đa Khoa Trung Tâm An Giang

Chúng tôi Công ty kính gửi đến Quý Bệnh viện bảng báo giá các mặt hàng như sau:

Theo Yêu cầu báo giá số..... /BVAG-VTTBYT ngày.....tháng.....năm của Bệnh viện ĐKTT An Giang

1. Báo giá cho hàng hoá liên quan

| STT | Mã vật tư | Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 | Danh mục hàng hoá | Tên thương mại | Chủng Loại/mã sản phẩm | Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật cty đề xuất | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Qui cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đã bao gồm thuế phí) (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Ghi Chú |
|-----|-----------|---|-------------------|----------------|------------------------|--|---------------|---------------|-------------------|-------------|----------|-------------------------------------|------------------|---------|
| 1 | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hoá

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngàythángnăm.....
 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đăng trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm
 Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi Chú:

- (1), (3), (10), (11) : Theo thông tin Yêu cầu báo giá
 (2), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (12), (13), (14): Theo đề xuất của công ty
 (13) = (11) x (12)



DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Đính kèm yêu cầu báo giá số: 1649/BVAG-VTTBYT ngày 24/12/2024)

| STT | Mã vật tư | Danh mục hàng hoá | Tiêu chuẩn kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------|--|---|--------|----------|
| 1 | HC1 | Ống nghiệm EDTA K2 4ml nắp xanh dương, mous cao | Ống nhựa PP 5ml (12 x 75mm) -Có chứa Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3) 4ml * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương | Ống | 2.000 |
| 2 | HC2 | Ống nghiệm lấy máu FELIXA (Ống nghiệm K2EDTA, nút cao su, 2mL) | Ống nhựa PP 5ml (12 x 75mm) -Có chứa Ethylenediaminetetra Acid Thẻ tích chứa: 2 mL -Nắp cao su độ đàn hồi * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương | Tube | 96.000 |
| 3 | HC3 | Hóa chất định lượng cho xét nghiệm Protein đặc hiệu mức 1 | Hóa chất định lượng cho xét nghiệm Protein đặc hiệu mức 1 Đáp ứng từ trên 25 thông số - Lọ ≥ 1ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485. | Lọ | 12 |
| 4 | HC4 | Hóa chất định lượng cho xét nghiệm Protein đặc hiệu mức 2 | Hóa chất định lượng cho xét nghiệm Protein đặc hiệu mức 2 Đáp ứng từ trên 25 thông số - Lọ ≥ 1ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485. | Lọ | 12 |
| 5 | HC5 | Hóa chất định lượng cho xét nghiệm Protein đặc hiệu mức 3 | Hóa chất định lượng cho xét nghiệm Protein đặc hiệu mức 3 Đáp ứng từ trên 25 thông số - Lọ ≥ 1ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu là: ISO 13485. | Lọ | 12 |
| 6 | HC6 | NK-PYLORI TEST | Dùng để định danh nhanh Helicobacter pylori trong mẫu nội soi niêm mạc dạ dày hoặc trên môi trường nuôi cấy. Môi trường ở trạng thái gel giúp cố định mẫu và trung hòa các tác nhân gây ra dương tính giả. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.5%, kết quả trong vòng 5-10 phút. Bảng nhựa PS, màu trắng trong. | Test | 2.500 |
| 7 | HC7 | Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng có nắp | Chất liệu: nhựa - Lọ hình trụ, có nắp - Vô trùng - Dung tích: ≥50 ml | Lọ/cái | 5.000 |
| 8 | HC8 | Dụng cụ hút mẫu có khóa 2-200 µl (đầu côn vàng) | Đầu col có nhãn, có khóa 20-200 µl | cái | 20.000 |
| 9 | HC9 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu Dung dịch Canxi | Dung dịch Canxi - CaCl2 được sử dụng trong xét nghiệm tầm soát đông máu như APTT. - Thành phần: CaCl2 là dung dịch buffer 0,025M kèm chất bảo quản. - Lọ ≤16ml - Tiêu chuẩn:ISO 13485/CE hoặc tương đương Tương thích với máy Coag XL | ml | 1.152 |
| 10 | HC10 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu Định lượng Fibrinogen | Xét nghiệm Fibrinogen - Định lượng level của plasma fibrinogen - Thành phần: Hóa chất Fibrinogen là chất đông khô, alpha thrombin tinh khiết của người trong môi trường buffer với calcium và chất ổn định. Đóng gói: Lọ ≤5ml - Tiêu chuẩn:ISO 13485/CE hoặc tương đương Tương thích với máy Coag XL | ml | 48 |
| 11 | HC11 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu Dung dịch pha loãng mẫu | Dung dịch pha loãng mẫu - IMIDAZOL dùng cho xét nghiệm tầm soát đông máu như fibrinogen (FIB). - Thành phần: IMIDAZOL là dung dịch đệm kèm chất ổn định, - Tiêu chuẩn:ISO 13485/CE hoặc tương đương Tương thích với máy xn đông máu Coag XL | ml | 180 |
| 12 | HC12 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu Xét nghiệm thời gian Prothrombin (PT) | Xét nghiệm PT - PT là thuốc thử thromboplastin óc thỏ kèm theo dung môi để định lượng Prothrombin Time (PT). - Thành phần: Thuốc thử PT, chiết trích thromboplastin từ óc thỏ kèm chất ổn định. Dung môi là buffer chứa ion canxi và natri axít (<0,01%) đóng vai trò như chất bảo quản. - Tiêu chuẩn:ISO 13485/CE hoặc tương đương Tương thích với máy xn đông máu Coag XL | ml | 3.500 |



| STT | Mã vật tư | Danh mục hàng hoá | Tiêu chuẩn kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|----------------------------|-----------|--|---|--------|-----------|
| 13 | HC13 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu Xét nghiệm APTT | Xét nghiệm APTT - Thuốc thử APTT là hóa chất phospholipid được chiết xuất từ não thỏ, sử dụng để xác định Activated Partial Thromboplastin Time (APTT) - Thành phần: Thuốc thử aPTT là phospholipid lấy từ não thỏ, chứa ellagic acid trong môi trường buffered với chất ổn định. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương Tương thích với máy xn đông máu Coag XL | ml | 1.440 |
| 14 | HC14 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu Hóa chất rửa kim (Sorb) | Hóa chất rửa kim - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương Tương thích với máy xn đông máu Coag XL | ml | 180 |
| 15 | HC15 | Hóa chất xét nghiệm máy đông máu (Coag D cuvette) | Cồng đo mẫu dùng cho máy xét nghiệm đông máu - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương | Cái | 65.000 |
| 16 | HC16 | Hóa chất rửa máy dùng cho xét nghiệm đông máu | Hóa chất rửa máy dùng cho xét nghiệm đông máu - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương | ml | 13.500 |
| 17 | HC17 | Hóa chất tách chiết RNA/DNA | Bộ kit IVD cung cấp giải pháp tách chiết RNA tự động bằng cách sử dụng hạt bead phủ silicon dioxide có khả năng hấp thụ phân tử mang điện tích âm để tách chiết DNA ra khỏi mẫu. Công suất: 40 phút/ lần chạy Thành phần: 96 Ống thuốc thử 6 giếng với buffer, 2 giá 8 ống base, 1.5ml Elution Buffer chứa Nuclease-Free Water, 1ml Proteinase K nồng độ 20 mg/ml được bảo quản ở 4°C, 24 Strip 8 kênh * Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương | Test | 960 |
| 18 | HC18 | Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học | Hóa chất pha loãng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin và là dung dịch tạo dòng. | ml | 4.500.000 |
| 19 | HC19 | Hóa chất sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. | Hóa chất sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1.7 g/L - Thùng: 1,5 Lit - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc tương đương). | ml | 102.000 |
| 20 | HC20 | Thuốc thử ly giải cho máy xét nghiệm huyết học | Hóa chất ly giải hồng cầu. | ml | 220.000 |
| 21 | HC21 | Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu | Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày - Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene glycol 96.9% | ml | 3.864 |
| 22 | HC22 | Thuốc thử ly giải cho máy xét nghiệm huyết học - Lysercell WNR | Hóa chất ly giải | ml | 175.000 |
| 23 | HC23 | Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào | Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày - Thành phần: Polymethine 0.005%; Ethylene Glycol 99.9%. | ml | 3.280 |
| 24 | HC24 | Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 1 | Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 1 (XN CHECK Level 1). | Lọ 3ml | 15 |
| 25 | HC25 | Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 2 | Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 2 (XN CHECK Level 2). | Lọ 3ml | 15 |
| 26 | HC26 | Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 3 | Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 3 (XN CHECK Level 3). | Lọ 3ml | 15 |
| Tổng cộng: 26 khoản | | | | | |

